

Số: *140* /TCT-QLN  
V/v khoan tiền thuế nợ

Hà Nội, ngày *11* tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 7622/CTBRV-QLN ngày 09/11/2023 của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc khoan tiền thuế nợ. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

***1. Về việc khoan tiền thuế nợ đối với người nộp thuế có quyết định giải thể và người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký:***

- Tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định về thời gian khoan nợ như sau:

*“b) Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Quản lý thuế thì thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh đăng tải thông tin về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh đến khi người nộp thuế tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc hoàn thành thủ tục giải thể hoặc được xóa nợ theo quy định.*

*d) Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế thì thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế đến khi người nộp thuế tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc được xóa nợ theo quy định”.*

- Tại điểm a khoản 3 Điều 23 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về trình tự thủ tục khoan nợ như sau:

*“a) Đối với các trường hợp được khoan tiền thuế nợ theo quy định tại Điều 83 Luật Quản lý thuế, khi có đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này thì thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế ban hành quyết định khoan nợ theo Mẫu số 01/KN tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đối với số tiền thuế nợ tại thời điểm bắt đầu của thời gian khoan nợ quy định tại khoản 2 Điều này”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người nộp thuế được khoan nợ theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế số

38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội thì thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh đăng tải thông tin về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14) hoặc từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản thông báo trên toàn quốc về việc người nộp thuế không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh (đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14). Số tiền thuế nợ được khoan là số tiền thuế nợ tại thời điểm bắt đầu của thời gian khoan nợ. Sau thời điểm khoan nợ nêu trên mà người nộp thuế phát sinh thêm các khoản tiền thuế nợ thì cơ quan thuế thực hiện phân loại số tiền thuế nợ này theo hướng dẫn tại Quy trình quản lý nợ ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

**2. Về việc khoan tiền thuế nợ đối với người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi** giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):

- Tại tiết đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về thời gian khoan nợ như sau:

*“đ) Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 5 Điều 83 Luật Quản lý thuế thì thời gian khoan nợ được tính từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc từ ngày có hiệu lực của quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đến khi người nộp thuế tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc được xóa nợ theo quy định”.*

- Tại điểm b khoản 3 Điều 37 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định:

*“Trong thời gian từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan đăng ký kinh doanh đến ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có quyết định thu hồi hoặc có văn bản về việc không thu hồi thì cơ quan quản lý thuế có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý thuế”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người nộp thuế được khoan nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 83 Luật Quản lý thuế thì thời gian khoan nợ

được tính từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc từ ngày có hiệu lực của quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong thời gian từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan đăng ký kinh doanh đến ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có quyết định thu hồi hoặc có văn bản về việc không thu hồi thì cơ quan quản lý thuế có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý thuế. Do đó, Cục Thuế căn cứ tình trạng thực tế của người nộp thuế trên địa bàn quản lý để thực hiện các biện pháp cưỡng chế hoặc thực hiện khoan nợ theo quy định.

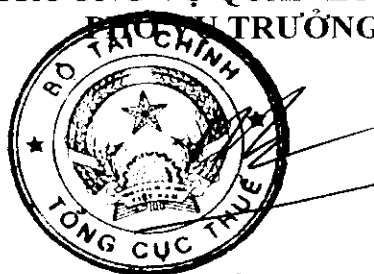
Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu biết và thực hiện theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTCT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ PC, KK, CS - TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, QLN (2b).

*(S;D)*

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ NỢ VÀ CCNT**



**Đỗ Thị Hồng Minh**